KIỂM TRA 15 PHÚT

Thời gian: 15 phút
Họ và tên:…….. Lớp:……

Phần I. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống (4 điểm)

(竟然、意外、真正、警惕、收获、低声、许多)

1. 他平时学习很差，这次考试 _____ 得了第一名。
2. 这个消息来得太突然了，真让人感到 _____。
3. 他是我 _____ 的朋友，我们认识很多年了。
4. 秋天是农民 _____ 的季节。
5. 她 _____ 地告诉我这个秘密。
6. 这次旅行让我 _____ 了很多快乐。
7. 公园里有 _____ 人在散步。

Phần II. (2 điểm)

Chọn từ đúng (竟然 / 意外) để hoàn thành câu:

1. 他没告诉我就走了，真让人 _____。
2. 这么简单的问题，你 _____ 不会做？

Phần III. Sắp xếp câu (2 điểm)

1. 分享 / 我 / 喜悦 / 想 / 跟 / 你
   → _____
2. 生意 / 他 / 做 / 得 / 很 / 好
   → _____

Phần IV. Dịch câu (2 điểm)

1. Hàng xóm của tôi là một người rất thân thiện.
   → _____

LIVEWORKSHEETS

2. Anh ấy cố tình làm vỡ cái ly.
(Gợi ý: 故意, 打破, 杯子)
→ _____

LIVEWORKSHEETS